

Hempel's AntiFouling Oceanic+ 73902

Đặc tính sản phẩm

Mô tả sản phẩm

Hempel's Antifouling Oceanic+ 73902 là sơn có độ đặc cao, chống đóng SPC dựa trên chất kết dính kẽm carboxylate và acrylic. Sản phẩm này có khả năng ngăn nguy cơ bám cặn tốt thông qua cơ chế tự đánh bóng rất ổn định, dựa trên quá trình thủy phân hóa học và khả năng diệt khuẩn hiệu quả. Sử dụng công nghệ vi sợi để đảm bảo độ bền cơ học vượt trội, tránh nứt và bong tróc, giảm chi phí bảo trì trong quá trình sửa chữa.

Khuyến cáo sử dụng

Hempel's Antifouling Oceanic+ 73902 có thể được sử dụng làm sơn mới và bảo trì cho thân tàu dưới nước và dải mớn nước. Khuyến dùng cho tàu hơi nước tốc độ thấp. Thời gian bảo dưỡng ụ khô lên tới 60 tháng.

Tính năng

- Khả năng diệt hà hiệu quả.
- Mức hoạt tính thấp.
- Hiệu quả tức thời khi tiếp xúc với nước.
- Dễ sơn lại.
- Thi công sơn trong môi trường ẩm.
- Có thể sơn ở nhiệt độ dưới 0°C [32°F].
- Đảm bảo hiệu suất.

An toàn sản phẩm

Điểm chớp cháy 24°C [75°F]

Hàm lượng VOC

Cơ sở pháp lý	Giá trị
EU	349 g/L [2,91 lb/US gal]
Hoa Kỳ (sơn phủ)	349 g/L [2,91 lb/US gal]
Hoa Kỳ (định kỳ)	349 g/L [2,91 lb/US gal]
Trung Quốc	349 g/L [2,91 lb/US gal]
Hồng Kông	349 g/L [2,91 lb/US gal]
Hàn Quốc	349 g/L [2,91 lb/US gal]

Theo quy tắc cụ thể, xem chi tiết trong phần Chú giải trên trang web của Hempel (hempel.com) hoặc trang web Hempel dành cho địa phương của bạn. Giá trị VOC có thể thay đổi theo loại sơn bóng, vui lòng tham khảo Bảng dữ liệu an toàn, phần 9.

Đưa vào sử dụng

Xử lý thận trọng. Trước và trong khi sử dụng, tuân thủ nhãn an toàn trên bao bì và thùng chứa sơn và tuân theo tất cả các quy định an toàn tại địa phương và quốc gia. Luôn tham khảo Bảng dữ liệu an toàn của Hempel cho sản phẩm này cùng với Bảng thông số sản phẩm.

Chỉ sử dụng ở môi trường chuyên nghiệp.

Dữ liệu sản phẩm

Mã sản phẩm
73902

Màu tiêu chuẩn* / mã màu
Đỏ nâu 51110 **

Độ bóng
Độ mờ

Hàm lượng chất rắn theo thể tích
64 ± 2%

Trọng lượng riêng
1,8 kg/L [15 lb/US gal]

Hempel's AntiFouling Oceanic+ 73902

Độ dày lớp sơn khô tham chiếu

100 micron [4,0 mils]

Xử lý bề mặt

Đóng mới:

- Theo Thông số kỹ thuật của Hempel.

Bảo trì và Sửa chữa

- Loại bỏ muối, thuốc tẩy, chất bẩn và các sinh vật biển bằng cách vệ sinh bằng nước ngọt cao áp.
- Sơn phủ: Việc dùng sơn phủ/sơn phủ liên kết hay không còn tùy thuộc vào loại và điều kiện của lớp chống hà hiện tại.

Tham khảo Hướng dẫn Xử lý Bề mặt riêng của Hempel để biết thêm chi tiết.

Thi công sơn

Tỉ lệ pha trộn

Sản phẩm này chứa các hạt nặng. Lắc kỹ trước khi dùng. Liên hệ với Hempel về việc pha loãng.

Dung môi pha loãng

Hempel's Thinner 08080

Chất làm sạch

Hempel's Thinner 08080

Phương pháp sơn

Công cụ

Thông số ứng dụng

Phun sơn không dùng khí nén Áp lực tại đầu béc phun: 270 bar [3900 psi]
Cỡ béc phun: 0.027-0.031"

Nhiệt độ cao có thể gây ố/mất màu. Không bao giờ pha loãng sơn hơn mức cho phép theo pháp luật môi trường địa phương. Dữ liệu máy phun mang tính biểu thị và có thể bị điều chỉnh. Áp suất cho nhiệt độ vật liệu 20°C [68°F].

Độ dày lớp sơn

Dải thông số kỹ thuật	Thấp	Cao	Khuyến dùng
Độ dày màng sơn khô	80 micron [3,2 mils]	175 micron [7,0 mils]	100 micron [4,0 mils]
Độ dày màng sơn ướt	125 micron [5,0 mils]	275 micron [11 mils]	150 micron [6,0 mils]
Định mức phủ lý thuyết	8 m²/L [326 sq ft/US gal]	3,7 m²/L [151 sq ft/US gal]	6,4 m²/L [261 sq ft/US gal]

Sản phẩm có thể được chỉ định với độ dày lớp sơn khác so với thông số tùy theo mục đích và khu vực sử dụng. Điều này sẽ thay đổi tốc độ tán sơn, thời gian khô và lưu hóa và khoảng thời gian sơn lại. Để có hiệu quả tốt nhất, hãy tránh sơn lớp sơn quá dày. Chiều dày quá mức phải được kiểm soát kỹ và không được vượt quá 175 micron [7.0 mils] DFT. Ở những bề mặt bất quy tắc, khuyến nghị xử lý đặc biệt để tránh sơn quá mức.

Điều kiện thi công sơn

- Để tránh ngưng tụ, sơn trên bề mặt sạch và khô với nhiệt độ tối thiểu bằng 3°C [5°F] trên điểm đọng sương.
- Theo Thông số kỹ thuật của Hempel.

Lưu ý khi sơn

- Chất chống cặn bám có chứa đồng không được tiếp xúc về điện với thân tàu bằng nhôm và các bộ phận bằng nhôm khác.

Thời gian khô và lớp phủ kế

Sản phẩm tương thích

- Lớp sơn trước: Theo Thông số kỹ thuật của Hempel. Các sản phẩm khuyến dùng là: Hempadur 45182, Hempadur 47182.
- Lớp sơn kế: Không có hoặc theo thông số kỹ thuật của Hempel.

Thời gian khô sơn

Nhiệt độ bề mặt	10°C [50°F]	20°C [68°F]
Khô cứng	phút 120	phút 60

Được xác định cho độ dày màng sơn bằng 100 micron [4.0 mils] ở điều kiện tiêu chuẩn, xem phần Chú giải của Hempel để biết thêm chi tiết.

Điều kiện khô sơn

- Để đạt được thời gian khô sơn như đã nêu, quan trọng là phải duy trì đủ thông gió trong quá trình sơn, chờ khô và đóng rắn.

Hempel's AntiFouling Oceanic+ 73902

Chi tiết về công tác sơn lại

- Bề mặt phải khô và sạch sẽ trước khi sơn.
- Tham vấn Hempel để biết thêm chi tiết cụ thể

Các lưu ý khác

- Tham vấn Hempel để biết thông tin về thời gian tàu ra khỏi bến tối thiểu.

Lưu trữ

Hạn dùng

Nhiệt độ môi trường	25°C [77°F]
Sản phẩm	36 tháng

Thời hạn sử dụng khi bảo quản trên kệ tính từ ngày sản xuất, khi bảo quản trong bao bì gốc, chưa mở. Sau thời hạn đó, phải kiểm tra lại chất lượng sản phẩm. Bảo quản ở nhiệt độ cao có thể làm giảm thời hạn sử dụng. Vui lòng tham khảo Hempel để được tư vấn.

Điều kiện bảo quản

- Sản phẩm phải được bảo quản theo quy định pháp luật tại địa phương, tối đa 40 °C [104°F], không tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời và tránh mưa và tuyết.

Khí thải carbon

Độ dày màng sơn khô	1 µm	1 mil
GWP (Tiềm ẩn Nóng lên Toàn cầu)	9,8 g CO ₂ e/m ²	0,051 lb CO ₂ e/ft ²

Lượng khí thải carbon dành cho 1 mét vuông / foot vuông diện tích bề mặt với độ dày màng sơn khô là 1 micron / mil.

Phạm vi này bao gồm nguyên liệu thô, vận chuyển nội địa đến nhà máy Hempel, quy trình sản xuất của Hempel và bất kỳ Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi nào phát ra trong quá trình sơn và quá trình đóng rắn sau khi sơn sản phẩm.

Giá trị được tính toán dựa trên màu sắc tiêu chuẩn được xác định trong PDS này. Giá trị có thể sẽ thay đổi theo màu sắc.

Tài liệu bổ sung

Có các thông tin khác trên trang web của Hempel (<https://www.hempel.com/service-and-support/technical-guidelines>) hoặc trang web Hempel ở địa phương của bạn:

- Chú giải cho Bảng dữ liệu sản phẩm.
- Phương pháp sơn.
- Xử lý bề mặt.
- Hướng dẫn sơn cho sản phẩm này.

Bảng dữ liệu sản phẩm này ("PDS") có liên quan đến sản phẩm được cung cấp ("Sản phẩm") và có thể được cập nhật liên tục. Theo đó, người mua/người áp dụng chỉ nên xem bảng PDS được cung cấp cùng với lô Sản phẩm có liên quan (không phải của phiên bản trước đó). Ngoài PDS, người mua/người áp dụng có thể nhận được một số hoặc tất cả các thông số kỹ thuật, báo cáo và/hoặc hướng dẫn được liệt kê dưới đây hoặc có sẵn từ trang web của Hempel trong mục "Sản phẩm" tại www.hempel.com ("Tài liệu bổ sung"):

No.	Mô tả tài liệu	Địa điểm/ý kiến
1.	Báo cáo kỹ thuật	Tư vấn cụ thể một lần được cung cấp theo yêu cầu cho các dự án cụ thể
2.	Thông số kỹ thuật	Chỉ phát hành cho các dự án cụ thể
3.	PDS	Tài liệu này
4.	Chú giải Bảng dữ liệu sản phẩm	Đăng trên www.hempel.com và có thông tin liên quan về các thông số kiểm tra Sản phẩm
5.	Hướng dẫn thi công	Nếu có sẵn, tại www.hempel.com
6.	Hướng dẫn kỹ thuật chung (ví dụ: cho thi công sơn và chuẩn bị bề mặt)	Nếu có sẵn, tại www.hempel.com

Trong trường hợp có xung đột thông tin giữa PDS và Tài liệu bổ sung, thứ tự ưu tiên của thông tin sẽ theo thứ tự như quy định ở trên. Trong trường hợp như vậy, bạn cũng nên liên hệ với đại diện của mình tại Hempel để làm rõ. Hơn nữa, người mua/người áp dụng phải tuân thủ đầy đủ Bảng Dữ liệu An toàn được cung cấp cho mỗi Sản phẩm và cũng có thể được tải xuống từ www.hempel.com.

Hempel sẽ không chịu trách nhiệm về khuyết tật Sản phẩm nếu Sản phẩm không được sử dụng theo các khuyến nghị và yêu cầu được nêu trong PDS có liên quan và Tài liệu bổ sung. Thông tin và các điều khoản miễn trừ trách nhiệm này áp dụng cho PDS này, Tài liệu bổ sung và bất kỳ loại tài liệu khác của Hempel liên quan đến Sản phẩm. Ngoài ra, Sản phẩm và tất cả các hỗ trợ kỹ thuật được cung cấp đều tuân theo Điều kiện Bán hàng, Giao hàng và Dịch vụ chung của Hempel, trừ khi được thỏa thuận rõ ràng khác bằng văn bản.